

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HC-ST

Ngày: 22 - 9 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Hồng Quang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 8 năm 2021, Thông báo chuyển thời gian xét xử số 328/2021/TB-TA ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Công T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã BC, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Số 52, đường Hùng Vương, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Ủy ban nhân dân huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC1;

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC1;

Cùng có địa chỉ trụ sở làm việc: Số 395 Phạm Văn Đ, thị trấn Châu Ô,

huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân xã BK;

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BK;

Địa chỉ trụ sở làm việc: Xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm: 1975;

3.3 Anh Phạm Như T1, sinh năm: 2001;

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐB, xã BC, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa ông Phạm Công T, bà Phạm Thị Lệ T có mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; ông Võ Văn Đ người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện BC1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC1, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã BK, anh Phạm Như T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 13/01/2021, ngày 21/01/2021, bản tự khai ngày 28/5/2021, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phạm Công T trình bày:*

Năm 2019, thực hiện dự án Thủy lợi Đồng Sông (Đập và kênh), Ủy ban nhân dân (UBND) huyện BC1 ban hành Quyết định thu hồi đất số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019, trong đó cụ thể là có thu hồi, bồi thường tại các thửa đất 60, 65 của hộ gia đình ông. Theo ông UBND huyện BC1 phải điều chỉnh diện tích đất bị thu hồi của thửa 60, 65 từ loại đất rừng sản xuất (RSX) thành loại đất trồng cây lâu năm. Gia đình ông là gia đình thuần nông, kinh tế gia đình chủ yếu canh tác những diện tích đất trên nhưng khi triển khai dự án Đồng Sông, UBND huyện BC1 lại thu hồi và áp dụng giá đất bồi thường chênh lệch, không đúng quy định gây thiệt hại cho gia đình ông, như sau:

Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2, có diện tích 14.241m² được UBND huyện BC1 cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) ngày 17/12/2018 bị thu hồi 11.352m² nhưng UBND huyện BC1 áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông theo bản giá số 17/AGĐB ngày 21/8/2019 chỉ có 3.000 đồng/m², trong khi thửa đất số 18/1.866m² áp giá vị trí 3 với giá 12.000 đồng/1m². Hai thửa đất 18 và 60 liền kề nhau, cùng vị trí, cùng địa chỉ nhưng khi áp dụng giá bồi thường lại khác nhau chênh lệch 9.000đ/m², gây thiệt hại cho ông 101.168.000 đồng. UBND huyện BC1 ra quyết định thu hồi đất của ông diện tích 8.782m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 2, diện tích theo GCNQSDĐ là 11.131,0m². Quá trình áp dụng giá đất bồi thường đối với diện tích thu hồi 8.782m², UBND huyện BC1 tự động tách diện tích 8.782m² thành hai diện tích và áp dụng hai giá bồi thường khác nhau. Cụ thể: diện tích thứ nhất 1.190m², thuộc thửa 65 (có số thửa 819, số thửa này đơn vị bồi thường tự ghi) áp dụng giá bồi thường là 12.000 đồng/1m² và

diện tích thứ hai 7.592m² cũng thuộc thửa đất số 65 (có số thửa 65) áp giá bồi thường 3.000 đồng/m². Cả hai phần diện tích trên cùng một vị trí đất và cùng một số thửa 65 nhưng khi thu hồi bồi thường UBND huyện BC1 lại áp dụng hai giá đất khác nhau ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngoài ra, khi thu hồi 12 thửa đất tổng cộng là 23.761m² nhưng UBND huyện BC1 áp giá hỗ trợ cho ông chỉ có 3 lần hoặc 3,5 lần gây thiệt hại cho ông. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định mức hỗ trợ về đất phải là 5 lần ($1\text{m}^2 \times 12.000\text{đ} \times 5 \text{ lần} \times 23.761\text{m}^2 = 1.425.660.000\text{đ}$). Về bồi thường hỗ trợ giống cây trồng, UBND huyện đã bồi thường hỗ trợ giống cây cho ông là 3.466 cây, yêu cầu bồi thường hỗ trợ thêm giống cây trồng cho ông là 5.952 cây.

Ngày 28/7/2020 ông đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T theo Quyết định 1657 là 1.069.016.450 đồng. Tuy nhiên, không đồng ý với các nội dung nói trên tại thửa đất 60, 65 của UBND huyện BC1, ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện BC1 nhưng Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Quyết định 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), bác các nội dung khiếu nại của ông. Ông khiếu nại đến UBND tỉnh Quảng Ngãi nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) không chấp nhận khiếu nại của ông.

Ủy ban nhân dân huyện BC1 ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND và Quyết định 1657/QĐ-UBND; Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Quyết định 885/QĐ-UBND; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1821/QĐ-UBND nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy 01 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ Phạm Công T. Cụ thể hủy phần thu hồi liên quan đến diện tích hai thửa đất 60 và 65, loại đất rừng sản xuất, xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ Phạm Công T. Cụ thể hủy phần liên quan đến bồi thường giá đất, hỗ trợ về đất (hệ số bồi thường) và hỗ trợ giống cây trồng thuộc diện tích bị thu hồi của hai thửa đất 60 và 65, xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi, thể hiện tại số thứ tự 3, 4 phần A1; số thứ tự 3, 4 phần A2; phần hỗ trợ cây giống thuộc một phần mục B tại Bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ số 17/AGĐB, dự án: Thủy lợi Đồng Sông (Đập và kênh) huyện BC1 đối với hộ ông Phạm Công T kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND.

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1.

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

** Tại Văn bản số 560/UBND ngày 17/3/2021, số 1341/UBND ngày 25/5/2021, số 2902 ngày 21/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện BC1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC1 trình bày:*

Hộ ông Phạm Công T đang sử dụng các thửa đất sau:

Thửa đất số 400, diện tích đất thu hồi 37,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Thửa đất số 273, diện tích đất thu hồi 988,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01424, thuộc thửa đất số 273, tờ bản đồ số 15.

Thửa đất số 18, diện tích đất thu hồi 1.866,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01424, thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 15.

Thửa đất số 60, diện tích đất thu hồi 11.352,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX).

Thửa đất số 65, diện tích đất thu hồi 7.592,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số CH01945, thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 2.

Thửa đất số 819, diện tích đất thu hồi 1.190,0 m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Thửa đất số 17, diện tích đất thu hồi 127,0m², thuộc tờ bản đồ số 15 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01423, thuộc thửa đất số 17.

Thửa đất số 16 diện tích đất thu hồi 95,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01423, thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15.

Thửa đất số 15, diện tích đất thu hồi 125,0 m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01423, thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ

số 15.

Thửa đất số 23, diện tích đất thu hồi 38,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01422; thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 15.

Thửa đất số 24, diện tích đất thu hồi 7,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ số 01422; thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15.

Thửa đất số 799, diện tích đất thu hồi 344,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Quá trình thực hiện thu hồi đất và kê khai bồi thường, hỗ trợ tại thửa đất trên: Năm 2019, thực hiện dự án Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), UBND huyện BC1 đã thu hồi đất của hộ ông Phạm Công T tại Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019, với tổng diện tích đất thu hồi 23.761m², trong đó: Thửa đất số 60, diện tích đất thu hồi 11.352,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX) và thửa đất số 65, diện tích đất thu hồi 7.592,0m², thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX).

Ngày 21/8/2019, UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1657/QĐ - UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T với tổng giá trị: 1.069.016.450 đồng (bao gồm bồi thường, hỗ trợ về đất: 488.528.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu: 579.228.450 đồng và các khoản hỗ trợ khác: 1.260.000 đồng).

Ngày 24/9/2019 ông Phạm Công T có đơn khiếu nại và tại biên bản làm việc ngày 13/02/2020 với Cơ quan Ủy ban kiểm tra – thanh tra huyện ông Phạm Công T khiếu nại UBND huyện BC1 đối với Quyết định số 1376 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Công T và Quyết định số 1657 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông vì các lý do sau:

Khiếu nại Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất của hộ ông; trong đó thu hồi đối với diện tích 11352,0m², loại đất rừng sản xuất (RSX) thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã BK là không đúng, vì thửa đất này liền kề, cùng vị trí với thửa đất số 18, có loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Yêu cầu điều chỉnh quyết định thu hồi loại đất cây lâu năm (CLN).

Khiếu nại Quyết định số 1657/QĐ - UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông vì đơn giá bồi thường đối với

diện tích 11.352,0m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã BK với đơn giá 3.000 đồng/m² là quá thấp. Ông yêu cầu bồi thường đơn giá 12.000 đồng/m² tại thửa đất số 60 như đơn giá bồi thường tại thửa đất số 18.

Đơn giá bồi thường cây cối 30.000 đồng/cây tại thửa đất số 65, diện tích đất thu hồi là 7.592m² là quá thấp, vì hộ ông mua cây về phải tốn công chăm bón, bảo quản, trông coi, bảo vệ; đồng thời, tại thời điểm kiểm kê, áp giá bồi thường cây đã có đường kính lớn hơn 3cm nên đề nghị bồi thường cây trồng trên thửa đất số 65 có đơn giá 50.000 đồng/cây.

Đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ ông theo quy định.

Nội dung Khiếu nại lần đầu của ông Phạm Công T đã được Chủ tịch UBND huyện thụ lý tại Thông báo số 304/TB - UBND ngày 16/10/2019 và thụ lý, giao Trưởng Cơ quan Ủy ban kiểm tra – Thanh tra huyện tại Quyết định số 3071/QĐ - UBND ngày 16/10/2019. Kết quả thẩm tra, xác minh như sau:

Nội dung 1: Khiếu nại Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất của hộ ông; Yêu cầu điều chỉnh quyết định thu hồi là loại đất cây lâu năm (CLN) .

Nguyên thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 02, bản đồ chỉnh lý năm 2012, xã BK có nguồn gốc do ông Phạm Tạo cha ruột của ông Phạm Công T khai hoang và quản lý, sử dụng từ năm 1975; từ khoảng năm 1998 - 2000 thì giao lại cho hộ ông Phạm Công T quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp cho đến nay. Ngày 17/12/2018, hộ ông Phạm Công T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất trên. Việc ông Phạm Công T trình bày tại biên bản làm việc ngày 13/02/2020 cho rằng vào năm 2013, cha ông là ông Phạm Tạo được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 60 là không đúng vì ông Phạm Tạo được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 65, diện tích 11.131m², tờ bản đồ số 02, xã BK. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” thì việc xác định loại đất tại thửa đất số 60 căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CN 812792, số vào sổ CH 04178 ngày 17/12/2018 tại thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 02, xã BK. Như vậy, UBND huyện BC1 căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, hồ sơ địa chính, bản đồ quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 871/QĐ - UBND ngày 23/4/2007 và Quyết định số 2480/QĐ - UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (rà soát, quy hoạch lại theo Chỉ thị số 38/2005/CT - TTg) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định loại đất tại thửa đất 60, diện tích 14.241m², bản đồ năm 2012, xã BK. Theo đó, các tài liệu này đều thể hiện thửa đất trên nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định của UBND tỉnh

Quảng Ngãi với loại đất rừng sản xuất (RSX). Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Phạm Công T, ở xã BK với tổng diện tích 23.761,0m² tại 12 thửa đất; trong đó, thu hồi diện tích 11.352m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 60, diện tích 16.276m², loại đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã BK là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Nội dung khiếu nại của ông Phạm Công T đối với Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện là không đúng nên không có cơ sở xem xét.

Nội dung 2: Khiếu nại Quyết định số 1657/QĐ - UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T vì đơn giá bồi thường đối với diện tích 11.352,0m² thuộc thửa đất số 60, với đơn giá 3.000 đồng/m² là quá thấp. Ông yêu cầu bồi thường đơn giá 12.000 đồng/m². Ngày 14/5/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 336/QĐ - UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), xã BK, huyện BC1 thì đất rừng trồng sản xuất vị trí 3, hệ số điều chỉnh giá 1,0. Căn cứ các quy định tại Quyết định số 67/2014/QĐ - UBND ngày 31/12/2014, Quyết định số 336/QĐ - UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 512/QĐ - UBND ngày 23/3/2015 của UBND huyện để tính toán giá đất cụ thể bồi thường cho hộ ông Phạm Công T đối với diện tích 11.352m², thửa đất số 60 và diện tích đất thu hồi 7.592,0m², thửa đất số 65, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX) như sau: Đất nông nghiệp (Đất rừng sản xuất) do ông T đang sử dụng thuộc vị trí 3 có đơn giá bồi thường là 3.000 đồng/m². Như vậy, UBND huyện ban hành Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T; trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 11.352m², thửa đất số 60 và diện tích đất thu hồi 7.592,0m², thửa đất số 65, loại đất rừng sản xuất (RSX) có đơn giá 3.000 đồng/m² là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất. Do đó, việc ông Phạm Công T yêu cầu bồi thường về đất tại thửa đất số 60 có đơn giá 12.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét.

Nội dung 3: Đơn giá bồi thường cây cối 30.000 đồng/cây tại thửa đất số 65, diện tích đất thu hồi là 7.592m² là quá thấp, vì ông mua cây về phải tốn công chăm bón, bảo quản, trông coi, bảo vệ; đồng thời, tại thời điểm kiểm kê, áp giá bồi thường cây đã có đường kính lớn hơn 3cm nên đề nghị bồi thường cây trồng trên thửa đất số 65 có đơn giá 50.000 đồng/cây. Căn cứ Quyết định số 49/2017/QĐ - UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh để tính toán bồi thường cây keo có đường kính gốc \geq 1cm đến < 3cm có đơn giá 30.000 đồng/cây tại Quyết định số 1657/QĐ - UBND ngày 21/8/2019 là đúng quy định của UBND tỉnh tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất. Do đó, việc ông Phạm Công T yêu cầu bồi thường cây keo có đường kính gốc \geq 1cm đến < 3cm có đơn giá 50.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét. Nội dung khiếu nại của ông Phạm Công T không đúng.

Nội dung 4: Đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ ông theo quy định. Liên quan đến nội dung này, trên cơ sở Quyết định số 885/QĐ - UBND ngày 13/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của

ông Phạm Công T. Ngày 01/9/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã trình UBND huyện phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2277/QĐ - UBND và ban hành Quyết định số 932/QĐ - UBND ngày 08/9/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T.

Ý kiến của UBND huyện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T: Việc UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1376/QĐ - UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Phạm Công T và Quyết định số 1657/QĐ - UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T là đúng theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh ban hành và thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 885/QĐ UBND ngày 13/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Công T, xã BC, huyện BC1 là xem xét quyền lợi và đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Mặt khác ông Tín cho rằng thửa đất 819, tờ bản đồ số 1 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019) và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH 01945 (thuộc thửa đất 65, tờ bản đồ số 01 – bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019) là chung một thửa đất là không có cơ sở. Vì qua kiểm tra bản đồ địa chính thể hiện: Thửa đất 819, tờ bản đồ số 1 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), theo bản đồ địa chính năm 2003 thuộc tờ bản đồ số 15, xã BK; thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019) theo bản đồ địa chính năm 2003 thuộc tờ bản đồ số 2, xã BK. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Phạm Công T.

** Tại văn bản số 919/UBND-NC ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Nguyên thửa đất số 60, diện tích 16.276m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ dự án), có nguồn gốc do cha mẹ ông Phạm Công T khai hoang và để lại cho ông Phạm Công T quản lý, sử dụng và được UBND huyện BC1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04178 ngày 17/12/2018 thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 2, xã BK.

Năm 2019, thực hiện dự án Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), UBND huyện BC1 đã thu hồi đất của hộ ông Phạm Công T tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, với tổng diện tích đất thu hồi 23.761m², trong đó có diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, loại đất rừng sản xuất (RSX) tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019*) và diện tích 7.592m² thuộc thửa đất số 65, loại đất rừng sản xuất (RSX) thuộc tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019*).

Ngày 21/8/2019, UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1657/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T với tổng giá trị: 1.069.016.450 đồng (*bao gồm bồi thường, hỗ trợ về đất: 488.528.000 đồng; bồi*

thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu: 579.228.450 đồng và các khoản hỗ trợ khác: 1.260.000 đồng).

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện BC1, ông Phạm Công T phát sinh đơn đề ngày 24/9/2019 khiếu nại UBND huyện BC1: (1) Thu hồi, bồi thường loại đất rừng sản xuất đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 1, diện tích 11.352m² là không đúng; (2) đơn giá bồi thường về đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.352m² và đơn giá bồi thường cây cối tại thửa đất số 65 thấp; (3) yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo nghề tìm kiếm việc làm cho hộ ông.

Chủ tịch UBND huyện BC1 đã thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020, công nhận nội dung khiếu nại về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm; không công nhận nội dung khiếu nại về loại đất, đơn giá bồi thường về đất tại thửa đất số 60 và đơn giá bồi thường cây cối tại thửa số 65.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện BC1, ông Phạm Công T phát sinh đơn đề ngày 28/5/2020 khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh với các nội dung: (1) việc thu hồi đất, bồi thường loại đất rừng sản xuất là không đúng, đơn giá bồi thường về đất 3.000 đồng/m² là quá thấp đối với diện tích đất bị thu hồi 11.352m² tại thửa đất số 60, yêu cầu bồi thường loại đất cây lâu năm với đơn giá 12.000 đồng/m². (2) đơn giá bồi thường cây 30.000 đồng/cây là quá thấp đối với diện tích đất bị thu hồi 7.592m² tại thửa đất số 65, yêu cầu bồi thường với đơn giá 50.000 đồng/cây.

Khiếu nại của ông Phạm Công T được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý, giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của Chánh Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 114/BC-TTT ngày 07/10/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 không công nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Phạm Công T.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh đối với nội dung vụ kiện và yêu cầu của ông Phạm Công T:

- Thửa đất số 60, diện tích 16.276m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ dự án), hộ ông Phạm Công T đã được UBND huyện BC1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 02, xã BK. Tại thời điểm kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại thể hiện hộ ông Tín chủ yếu trồng cây keo và một số cây chuối cho quả. Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/3/2018 cũng thể hiện thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ dự án), xã BK có mục đích sử dụng đất là rừng sản xuất.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện BC1 xác định thửa đất số 60, tờ bản đồ 02 xã BK là loại đất rừng sản xuất để bồi thường cho hộ Phạm Công T là có cơ sở pháp lý và thực tiễn.

Theo Bảng quy định từng vị trí đất nông nghiệp theo địa giới hành chính xã, thị trấn trên địa bàn huyện BC1 kèm theo Quyết định số 512/QĐ-UBND

ngày 23/3/2015 của UBND huyện BC1 cho thấy đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3 ở thôn Phước An; căn cứ quy định tại bảng 3 Mục 3 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019) thì đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3 xã miền núi với đơn giá là 3.000 đồng/m² và Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), xã BK, huyện BC1 thì đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3 có hệ số điều chỉnh là 1,0 lần.

Căn cứ các quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 33 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Điều 5 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh cho thấy việc xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện dự án Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh) được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo quy định pháp luật.

Do đó, UBND huyện BC1 áp dụng giá đất vị trí 3 xã miền núi để tính bồi thường cho hộ ông Phạm Công T tại thửa đất số 60 diện tích 11.352m² với đơn giá 3.000 đồng/m² x 1,0 lần là đúng quy định pháp luật.

- Về đơn giá bồi thường cây tại thửa đất số 65: Biên bản kiểm kê ngày 19/7/2019, thể hiện: tại thửa đất số 65 có cây keo \varnothing 1-3 số lượng 3.035 cây. Đối chiếu tại nhóm cây mọc nhanh (phi lao, bạch đàn, các loại keo), theo tiết b3, điểm b, khoản 2 Điều 4 quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh thì cây keo có đường kính gốc \geq 1cm đến < 3cm có đơn giá 30.000 đồng/cây. Do đó, UBND huyện BC1 tính toán áp giá bồi thường cây keo \varnothing 1-3 số lượng 3.035 cây với đơn giá 30.000 đồng/cây cho hộ ông Phạm Công T là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ ông Phạm Công T là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Phạm Công T hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Ngoài ra, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện BC1 về việc thu hồi diện tích thửa đất số 65 là 7.592m², tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01945 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02. Về nội dung này, không thuộc thẩm quyền giải quyết

khieu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh và tại buổi làm việc giữa ông Phạm Công T với Thanh tra tỉnh vào ngày 29/6/2020, Thanh tra tỉnh đã giải thích, hướng dẫn ông Phạm Công T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện BC1 để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

**Tại Văn bản 19/UBND ngày 06/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã BK trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất 65, tờ bản đồ số 2, xã BK: Theo hồ sơ địa chính bản đồ 299 thuộc một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số: 1 (thửa số 1 có diện tích 489000m²) sổ mục kê không ghi chủ sử dụng. Theo bản đồ 2003 tỷ lệ 1/2000 không đo khu vực thửa này nên hồ sơ địa chính không thể hiện số thửa, số tờ và chủ sử dụng.

Đến năm 2012 thực hiện dự án WB3 xã BK đo đạc toàn bộ đất rừng sản xuất trong phạm vi qui hoạch 3 loại rừng của xã để thực hiện dự án.

Đến năm 2013 ông Phạm Tạo (cha đẻ ông T) tham gia dự án và ông Tạo được cấp GCNQSDĐ có số phát hành: BP 441047, sổ vào sổ CH 01945, ngày cấp 14/12/2013.

Về nguồn gốc thửa đất 60, tờ bản đồ số 2, xã BK: Thửa đất 60 tờ bản đồ số 2 diện tích 14.241m², theo bản đồ 299 thuộc một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số: 1 (thửa số 1 có diện tích 489000m²) sổ mục kê không ghi chủ sử dụng. Theo bản đồ 2003 tỷ lệ 1/2000 không đo khu vực thửa đất này nên hồ sơ địa chính không thể hiện số thửa, số tờ và chủ sử dụng. Năm 2012 thực hiện dự án WB3 thửa đất này được đo có số thửa 60, tờ bản đồ số 2, loại đất rừng sản xuất (RSX) diện tích 14.241m², đến năm 2018 ông T đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có số phát hành CN 812792; sổ vào sổ CH 04178, cấp ngày 17/12/2018.

Về nguồn gốc thửa đất 60, tờ bản đồ số 2, do cha ông T là ông Phạm Tạo sử dụng vào khoảng năm 1980, đến khoảng năm 1998 để lại cho ông Tín sử dụng ổn định mãi đến nay không tranh chấp.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã BK đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T: Công tác đo đạc, kiểm kê, áp giá đền bù đối với các thửa đất của ông Phạm Công T do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện BC1 phối hợp với UBND xã BK thực hiện là đúng qui định của pháp luật và đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Khiếu nại của ông Phạm Công T đã được UBND huyện BC1, UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: Tại Quyết định số 855/QĐ - UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 và Quyết định số 1821/QĐ - UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Phạm Công T. Do đó, các nội dung ông Phạm Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Lệ Thu, Phạm Như Trọng trình bày:* Thống nhất với nội dung ông T trình bày và khởi kiện, không có ý kiến khác.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Đình chỉ đối với yêu cầu: Hủy 1 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 liên quan đến việc thu hồi diện tích là 7.592m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019*), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01945 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02 xã BK và hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về giá đất của thửa đất 65, xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ về đất (hệ số bồi thường) và hỗ trợ giống cây trồng thuộc diện tích đất bị thu hồi của hai thửa đất 60 và 65.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T đối với các yêu cầu:

Hủy 01 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ Phạm Công T. Cụ thể hủy phần thu hồi liên quan đến diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019, xã BK, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04178 thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02;

Hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ Phạm Công T về giá đất đối với diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019.

Hủy toàn bộ Quyết định 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hủy toàn bộ Quyết định 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị HĐXX giải quyết theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện BC1, Chủ tịch UBND huyện BC1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã BK, anh Phạm Như T1 có đơn xin xét

xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T: Hủy 1 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1, cụ thể liên quan đến việc thu hồi diện tích là 7.592m², loại đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019*) xã BK, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01945 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 và hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về giá đất đối với thửa đất số 65, xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi; hệ số bồi thường về đất và hỗ trợ giống cây trồng thuộc diện tích đất bị thu hồi của hai thửa đất 60 và 65 (thể hiện tại số thứ tự 4 phần A1; số thứ tự 3, 4 phần A2; phần hỗ trợ cây giống thuộc một phần mục B *tại Bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ số 17/AGĐB*, dự án: Thủy lợi Đồng Sông (Đập và kênh) huyện BC1 đối với hộ ông Phạm Công T kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND.

[1.2.1] Theo tài liệu tại hồ sơ (Bút lục 250-253) thể hiện ông Phạm Công T đã nhận được Quyết định 1376/QĐ-UBND và Quyết định 1657/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 nhưng không ký biên bản giao nhận hồ sơ, do đó Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện BC1 và UBND xã BK đã niêm yết công khai hai Quyết định trên, kết thúc thời hạn niêm yết ngày 13/9/2019. Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phạm Công T xác định: Gia đình ông đã nhận hai Quyết định trên kèm theo bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ số 17/AGĐB vào cuối tháng 8/2019 ngày không nhớ.

[1.2.2] Sau khi nhận được hai Quyết định trên, ngày 30/8/2019, ngày 24/9/2019 ông Phạm Công T có đơn khiếu nại và tại biên bản làm việc ngày 13/02/2020 của Cơ quan Ủy ban kiểm tra - thanh tra huyện với ông Phạm Công T thì nội dung khiếu nại của ông Tín đã được thay đổi và thống nhất tại biên bản ngày 13/02/2020 gồm các nội dung: Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 về việc thu hồi đối với diện tích 11.352.0m², loại đất rừng sản xuất (RSX) thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã BK là không đúng, yêu cầu điều chỉnh sang loại đất trồng cây lâu năm; Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc đơn giá bồi thường đối với diện tích 11.352,0m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã BK với đơn giá 3.000 đồng/m² là quá thấp; Đơn giá bồi thường cây cối 30.000 đồng/cây tại thửa đất số 65, diện tích đất thu hồi là 7.592m² là quá thấp. Đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ ông theo quy định. Ngoài các nội dung khiếu nại trên cho đến nay, ông Phạm Công T không có khiếu nại các nội dung nào khác liên quan đến Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019; Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1.

Theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính quy định: “01 năm kể từ

ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính,... trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho người khởi kiện không khởi kiện trong thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hiệu khởi kiện”.

Như vậy, Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 có bảng áp giá bồi thường cụ thể của UBND huyện BC1 là các Quyết định tổng thể bao gồm nhiều nội dung cụ thể, riêng biệt liên quan đến diện tích và loại đất của từng thửa đất bị thu hồi; bồi thường về đất, hỗ trợ về đất, bồi thường về cây cối, hoa màu, hỗ trợ về giống cây trồng...đối với 12 thửa đất bị thu hồi của hộ ông Phạm Công T. Tuy nhiên, tính từ ngày ông Phạm Công T nhận được, biết được và nộp đơn khiếu nại lần đầu các Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 đến ngày 11/01/2021 ông Tín có đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đối với các yêu cầu được nêu tại phần [1.2] là hết thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết đối với phần yêu cầu này phần [1.2] của ông Phạm Công T.

[1.3] Xét, đối với các yêu cầu của ông Phạm Công T: Hủy 01 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ Phạm Công T, cụ thể hủy phần thu hồi liên quan đến diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019, xã BK, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04178 thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02;

Hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ Phạm Công T về giá đất đối với diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019.

Hủy toàn bộ Quyết định 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hủy toàn bộ Quyết định 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Các quyết định hành chính trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, các yêu cầu nêu trên của ông Phạm Công T còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC1:

Ngày 20/8/2019, UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Phạm Công T, tổng diện tích thu hồi 12 thửa đất là 23.761m², trong đó thu hồi diện tích 11.352,0m² tại thửa đất 60, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất rừng sản xuất (RSX), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04178, thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2 và thu hồi diện tích 7.592,0m² tại thửa đất 65, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất rừng sản xuất (RSX), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01945, thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 2.

Trên cơ sở thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện BC1 ban hành Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T, tổng giá trị bồi thường 1.069.016.450 đồng, trong đó bồi thường về đất đối với diện tích thu hồi tại thửa đất 60 là 34.056.000 đồng, tại thửa đất 65 là 22.776.000 đồng, bồi thường cây cối hoa màu tại thửa đất 65 là 91.050.000 đồng.

Như vậy, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T tại các quyết định hành chính số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 và Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019, UBND huyện BC1 đã thực hiện đúng quy định tại Điều 62, khoản 2 Điều 66, 68, 69, 74, 75, 77, 83, 84 của Luật đất đai năm 2013.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC1, Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Không đồng ý với Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 và Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1, ngày 30/8/2019, 24/9/2019 ông Phạm Công T có đơn khiếu nại lần đầu. Tại biên bản làm việc ngày 13/02/2020 giữa ông T và Cơ quan ủy ban kiểm tra, thanh tra ông Phạm Công T xác định có 4 nội dung yêu cầu khiếu nại. Ngày 16/10/2019, Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Thông báo số 304/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 16/10/2019 Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc thụ lý thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh và đối thoại với người khiếu nại, chủ tịch UBND huyện BC1 chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại của ông T (về nội dung yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm), các nội dung khác ông T không thống nhất. Do đó, Chủ tịch UBND huyện BC1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 là đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện BC1, ngày 28/5/2020 ông Phạm Công T có đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 21/7/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1059/QĐ-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và ban hành Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh và đối thoại với người khiếu nại không thành, ngày 02/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1821/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Phạm Công T là đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011 và đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 33, 39, Điều 40 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Như vậy trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 và quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét, tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019; Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1:

[4.1] Dự án Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), huyện BC1, được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 31/10/2017. Ủy ban nhân dân huyện BC1 đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công, trong đó có hộ ông Phạm Công T. Trong quá trình thực hiện các thủ tục tự kê khai, kiểm kê đất đai và tài sản trên đất, ông Phạm Công T cung cấp các hồ sơ có liên quan về quyền sử dụng đất của các thửa đất bị thu hồi. Ngày 20/8/2019, UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Phạm Công T tại các thửa đất số 60, diện tích 11.352,0m², loại đất rừng sản xuất (RSX) và thửa đất số 65, diện tích 7.592,0m², loại đất rừng sản xuất (RSX) cùng tờ bản đồ số 1, xã BK (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019). Ngày 21/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện BC1 ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T tổng số tiền 1.069.016.450 đồng, trong đó đối với thửa đất số 60, bồi thường về đất là 34.056.000 đồng; đối với thửa đất số 65, bồi thường về đất là 22.776.000 đồng.

Ông Phạm Công T cho rằng Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 thu hồi đất của ông, trong đó: thu hồi đối với diện tích 11.352,0m², loại đất rừng sản xuất (RSX) thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án xã BK là không đúng, yêu cầu điều chỉnh một phần quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 60 từ đất rừng sản xuất sang loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Đề nghị áp giá bồi thường đối với thửa đất 60 là đất trồng cây lâu năm, đơn giá là 12.000 đồng/m², điều chỉnh đơn giá bồi thường cây trên thửa 65 lên mức giá 50.000 đồng/cây và hỗ trợ ổn định đời sống, việc làm cho ông.

[4.2] Xét nội dung ông Phạm Công T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019; hủy một phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1:

[4.2.1] *Việc xác định loại đất bị thu hồi của thửa số 60:*

Thửa đất 60 thuộc tờ bản đồ số 1 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK; loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX) có nguồn gốc của ông Phạm Tạo (cha ông Phạm Công T) xin khẩn hoang vào ngày 12/02/1990 (Bút lục 31) và được UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 23/4/1990 về giao đất trồng đồi núi trọc để trồng cây lâm nghiệp cho ông Phạm Tạo, diện tích được giao là 25ha 80 (hai trăm hecta tám) (Bút lục 32). Quá trình khai hoang, quản lý và sử dụng, ông Phạm Tạo giao lại cho hộ ông Phạm Công T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích trên.

Theo Hồ sơ địa chính (bản đồ 299) thửa đất số 60 thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, có diện tích 489.000m², sổ mục kê không ghi chủ sử dụng đất. Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 và Quyết định 248/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh thể hiện: Thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất trồng rừng sản xuất (RSM), tờ bản đồ số 02, xã BK. Năm 2012, thực hiện dự án WB3 thửa đất được đo có số thửa 60, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng rừng sản xuất (RSX), diện tích 14.241m². Bản đồ dự án (được Sở tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), thể hiện thửa đất số 60, diện tích 16.276m² tờ bản đồ số 1, loại đất rừng sản xuất, xã BK. Ngày 17/12/2018, hộ ông Phạm Công T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số phát hành CN 812792, số vào sổ CH 04178 thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 02, xã BK (Bút lục 491). Nguyên nhân diện tích thửa đất 60 trong bản đồ dự án tăng 2.035m² so với bản đồ chính lý năm 2012, được UBND xã BK giải trình do sai số trong quá trình đo đạc, chỉnh lý bản đồ.

Quá trình sử dụng đất và trước khi UBND huyện BC1 ban hành quyết định thu hồi đất với thửa đất 60 hộ ông Phạm Công T đã được UBND huyện BC1 cấp GCNQSDĐ có số phát hành CN 812792, số vào sổ CH 04178 tại thửa đất số 60, diện tích 14.241m², loại đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 02, xã BK.

Tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013 quy định việc xác định loại đất để bồi thường khi thu hồi đất dựa trên một trong các căn cứ sau đây: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ...*”. Theo quy định trên thì việc xác định loại đất tại thửa đất số 60 căn cứ vào GCNQSDĐ, UBND huyện BC1 đã cấp cho hộ ông Phạm Công T ngày 17/12/2018. Do đó, việc UBND huyện BC1 ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, trong đó, thu hồi diện tích 11.352m² thuộc một phần thửa đất số 60, loại đất thu hồi là đất rừng sản xuất (RSX), tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã BK là đúng quy định pháp luật về đất đai nên nội dung ông Phạm Công T đề nghị

điều chỉnh lại loại đất thửa 60 bị thu hồi từ đất rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2.2] *Về đơn giá bồi thường*: Ông Phạm Công T cho rằng Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ về giá đất đối với diện tích 11.352m^2 , thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án xã BK với đơn giá $3.000\text{đồng}/\text{m}^2$ là quá thấp. Ông yêu cầu bồi thường đơn giá thửa 60 là $12.000\text{đồng}/\text{m}^2$ như đơn giá bồi thường tại thửa đất số 18, diện tích 1.866m^2 , tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã BK.

Theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 48/2017/QĐ –UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi quy định: “*Giá đất để tính bồi thường xác định theo giá đất cụ thể của loại đất bị thu hồi tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất*”. Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện BC1, đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), xã BK, huyện BC1, theo đó xác định đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3 có hệ số điều chỉnh giá đất là 1,0 lần. Như vậy, UBND huyện BC1 căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 23/3/2015 của UBND huyện BC1, bảng 3 Mục 3 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019), Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh và điểm d khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất áp giá bồi thường đối với diện tích $11325,0\text{m}^2$ đất rừng sản xuất (RSX) bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, thuộc vị trí 3 xã miền núi với đơn giá là $3.000\text{đồng}/\text{m}^2$, hệ số điều chỉnh là 1,0 lần là thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Như vậy, giá đất được tính toán bồi thường tại thửa đất số 60 đối với hộ ông Phạm Công T là: 11.352m^2 (*diện tích đất thu hồi*) $\times 3.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 1,0$ (hệ số) = $34.056.000\text{đồng}$ là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông Tín về việc điều chỉnh lại giá đất thửa 60 là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2.3] *Về đơn giá bồi thường cây*: Ông Tín cho rằng đơn giá bồi thường cây cối $30.000\text{đồng}/\text{cây}$ tại thửa đất 65, diện tích thu hồi là $7592,0\text{m}^2$ là quá thấp, yêu cầu bồi thường đơn giá $50.000\text{đồng}/\text{cây}$:

Tại biên bản kiểm kê cây cối, hoa màu, mủ mả và tài sản khác trên đất do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện BC1 lập (Bút lục 114) có sự tham gia của ông Phạm Công T, số lượng cây keo đường kính $\geq 1\text{cm}$ đến $< 3\text{cm}$ có 3.035 cây. Ủy ban nhân dân huyện BC1 đã đối chiếu tại nhóm cây mọc nhanh (phi lao, bạch đàn, các loại keo) theo tiết b3, điểm b, khoản 2 Điều 4 quy định mật độ, đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất

áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì cây keo có đường kính $\geq 1\text{cm}$ đến $< 3\text{cm}$ có đơn giá là 30.000đồng/cây. Ủy ban nhân dân huyện BC1 áp giá bồi thường số lượng 3.035cây keo Ø 1-3 tại thửa đất 65 với giá 30.000 đồng/cây là đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Công T yêu cầu bồi thường với đơn giá 50.000/ cây đối chiếu với nhóm cây mọc nhanh (phi lao, bạch đàn, các loại keo) tiết b3, điểm b, khoản 2 Điều 4 quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh thì cây có đơn giá 50.000 đồng/cây là cây có đường kính gốc $> 7\text{cm}$ đến $< 10\text{cm}$. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm kê thì cây keo của hộ ông Tín chỉ có đường kính gốc $> 1\text{cm}$ đến $< 3\text{cm}$. Do đó, yêu cầu điều chỉnh đơn giá cây trên thửa đất số 65 của ông Phạm Công T là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2.4] *Đối với hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm:*

Ngày 01/9/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện BC1 đã trình UBND huyện BC1 phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2277/QĐ-UBND và ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công T và bà Phạm Thị Lệ T, xã BC, huyện BC1 với tổng giá trị: 6.300.000 đồng (*Hỗ trợ bổ sung ổn định đời sống*).

[5] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 và Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Như các nội dung đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc khiếu nại của ông Phạm Công T về loại đất thu hồi, giá đất, đơn giá cây bồi thường là không có cơ sở, nên Chủ tịch UBND huyện BC1, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết bác khiếu nại lần đầu và lần hai của ông Phạm Công T là đúng pháp luật.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, phần liên quan đến loại đất bị thu hồi của thửa 60; Hủy một phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019, phần liên quan đến đơn giá đất của thửa 60; Hủy Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 và hủy Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 116, khoản 1 Điều 143, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 62, khoản 2 Điều 66, 68, 69, 74, 75, 77, 83, 84, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, Điều 15, Điều 16 và khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Phạm Công T:

Hủy 1 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1, cụ thể phần liên quan đến diện tích thu hồi là 7.592m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019) xã BK, loại đất rừng sản xuất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01945 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02 và hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 liên quan đến việc bồi thường về giá đất đối với thửa đất số 65, xã BK, huyện BC1, tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ về đất và hỗ trợ giống cây trồng thuộc diện tích đất bị thu hồi của hai thửa đất 60 và 65 tại số thứ tự 4 phần A1; số thứ tự 3, 4 phần A2; phần hỗ trợ cây giống thuộc một phần mục B Bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ số 17/AGĐB, dự án: Thủy lợi Đồng Sông (Đập và kênh) huyện BC1 đối với hộ ông Phạm Công T kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công T đối với các yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Hủy 01 phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ Phạm Công T, cụ thể hủy phần diện tích đất thu hồi 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019), xã BK, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX).

- Hủy 01 phần Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND huyện BC1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ Phạm Công T, cụ thể hủy phần liên quan đến bồi thường về giá đất đối với diện tích 11.352m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/7/2019 tại số thứ tự 3 phần A1 Bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ số 17/AGĐB, dự án: Thủy lợi Đồng Sông (Đập và kênh) huyện BC1 đối với hộ ông Phạm Công T kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND.

- Hủy toàn bộ Quyết định 885/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện BC1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy toàn bộ Quyết định 1821/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Công T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0006396 ngày 04/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

